

Số: 120/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+ *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị Vân H; địa chỉ: Phòng 605, Trung tâm thương mại khu nhà ở X, phường P, quận H, TP. Hà Nội.

- Anh Đỗ Việt C; địa chỉ: Số nhà 123, ngõ 56, đường T, tổ 08, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020, chị Nguyễn Thị Vân Hằng và anh Đỗ Việt Cường đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Vân H và anh Đỗ Việt C nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị H và anh C cùng thỏa thuận: Giao cháu Đỗ Khánh Ng, sinh ngày 10/8/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Cường cấp dưỡng nuôi cháu Ng là 3.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2020 đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Giao cháu Đỗ Việt T, sinh ngày 28/9/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến hết ngày 31/7/2024, anh C cấp dưỡng nuôi cháu Th là 3.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 31/7/2024.

Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Th kể từ ngày 01/8/2024 đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân H và anh Đỗ Việt C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Khánh Ng, sinh ngày 10/8/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C cấp dưỡng nuôi cháu Ng là 3.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2020 đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Giao cháu Đỗ Việt T, sinh ngày 28/9/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến hết ngày 31/7/2024, anh C cấp dưỡng nuôi cháu T là 3.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày 31/7/2024.

Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T kể từ ngày 01/8/2024 đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị H và anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và lệ phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự, thành phố H, biên lai số 0002242 ngày 21 tháng 8 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND phường P,
quận H, Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Kim Quy